

BÁO CÁO
Kết quả chuyển đổi số quý I năm 2024

Thực hiện Công văn số 1023/BTTTT-CĐSQG ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số phục vụ Phiên họp quý I năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, UBND tỉnh Bắc Kạn báo cáo kết quả chuyển đổi số quý I năm 2024 của tỉnh như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

Bên cạnh việc duy trì những kết quả đã đạt được trong công tác chuyển đổi số năm 2023 (tỉnh đã báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông cụ thể tại phần I Kế hoạch số 833/KH-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024), trong quý I năm 2024, UBND tỉnh Bắc Kạn tiếp tục đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành/thể chế số

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Kạn và nhu cầu, điều kiện thực tế của tỉnh, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành các văn bản quán triệt, chỉ đạo và giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh phát triển, cụ thể:

- Kế hoạch số 833/KH-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024.
- Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc kiện toàn và đổi tên Đội Ứng cứu sự cố mạng, máy tính tỉnh Bắc Kạn.
- Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2024 phê duyệt kết quả xếp hạng và phân loại Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023.
- Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc ban hành Danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số mới năm 2024.
- Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Bắc Kạn.
- Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc phê duyệt và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023.
- Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2024 về tổ chức các hoạt động thi đua nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

- Công văn số 846/UBND-VXNV ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc phổ biến triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ Chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Công văn số 1495/UBND-VXNV ngày 11 tháng 3 năm 2024 về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Thông báo số 56/TB-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2024 về kết luận của đồng chí Nguyễn Đăng Bình, Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban về công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tỉnh quý I năm 2024.

2. Hạ tầng số

2.1. Kết quả đạt được:

Mạng lưới viễn thông của tỉnh được duy trì kết nối thông suốt 3 cấp: 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động 2G/3G/4G; quang hóa 100% hạ tầng đường truyền tới các cơ quan, đơn vị, địa phương; 100% cơ quan, đơn vị, địa phương được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng và được chuẩn hóa kết nối giám sát 04 cấp hành chính.

Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh Bắc Kạn được duy trì hoạt động ổn định. Hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Kạn tiếp tục triển khai Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin nền tảng phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch đề ra. Theo đó, trong quý I năm 2024 hạng mục nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tỉnh sẽ hoàn thành xong việc triển khai lắp đặt các trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh để đưa vào sử dụng; đối với hạng mục xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh sẽ thực hiện việc kết nối thử nghiệm các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia của các Bộ ngành Trung ương với hệ thống thông tin của tỉnh. Sau khi hoàn thành việc kết nối thử nghiệm, tỉnh sẽ chỉ đạo, thực hiện hoạt động kết nối chính thức theo quy định.

2.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc: Qua thống kê, hiện tại tỉnh Bắc Kạn còn 42 thôn, bản chưa phủ sóng thông tin di động; việc bố trí kinh phí dành cho đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin còn hạn chế, quy mô triển khai còn nhỏ lẻ.

3. Nhân lực số

3.1. Kết quả đạt được:

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 6106/BTTTT-CĐSQG ngày 08 tháng 12 năm 2023 về triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên nền tảng MOOCs, tỉnh Bắc Kạn đã tập trung chỉ đạo, triển khai khoá bồi dưỡng nêu trên đến 203 học viên thuộc đối tượng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước theo quy định.

3.2. *Tồn tại, hạn chế, vướng mắc:* Tỷ lệ học viên đã tham gia và hoàn thành khoá học trên nền tảng MOOCs hiện nay còn thấp (50/203 học viên); nguồn nhân lực phụ trách hoạt động chuyển đổi số tại một số cơ quan cấp huyện, cấp xã còn thiếu và yếu chưa đáp ứng yêu cầu.

4. Nền tảng, dữ liệu số

4.1. Kết quả đạt được:

Tỉnh Bắc Kạn đang tiếp tục duy trì sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) do Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ. Trong quý I năm 2024, tỉnh Bắc Kạn tiếp tục duy trì kết nối 14 dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo quy định.

4.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc:

Tỉnh Bắc Kạn chưa hoàn thành việc xây dựng riêng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP), do đó chưa thực hiện được việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL do tỉnh triển khai xây dựng, đồng thời qua rà soát, hiện nay còn 07 dịch vụ đã được các Bộ ngành Trung ương cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) nhưng tỉnh chưa thực hiện kết nối đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh¹.

5. An toàn, an ninh mạng

Trong quý I năm 2024, tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện xong việc kiện toàn, đổi tên Đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính của tỉnh thành Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và tổ chức đội theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời, giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Công ty BKAV hoàn thành việc cài đặt phần mềm phòng chống mã độc Bkav Endpoint cho các đơn vị, địa phương của tỉnh, cụ thể đã có 3.407 máy tính được cài đặt phần mềm. Qua thống kê, từ ngày 25 tháng 12 năm 2023 đến hết ngày 05 tháng 03 năm 2024, phần mềm đã kịp thời phát hiện, xử lý 1.579 mã độc trên 1.217 máy tính, 2.163 máy tính có lỗi hỏng phần mềm, qua đó góp phần đảm bảo an toàn thông tin cho các thiết bị, hệ thống thông tin của tỉnh.

6. Chính phủ số

6.1. Kết quả đạt được:

- Các hệ thống phần mềm dùng chung, hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành, các trang/công TTĐT của tỉnh đang được các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh duy trì sử dụng hiệu quả. Trong quý I năm 2024, Chuyên trang chuyển đổi số của tỉnh đã đăng tải 64 tin, bài viết về công tác chuyển đổi số của tỉnh.

¹ Gồm: Dịch vụ công thiết yếu của ngành TN&MT phục vụ Đề án 06 (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về bảo hiểm (BHXH Việt Nam); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); CSDL đất đai quốc gia (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Liên thông TN&MT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được duy trì kết nối với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư, qua đó việc xác thực thông tin về nơi cư trú được thực hiện trên môi trường điện tử giúp người dân, doanh nghiệp không phải xuất trình bản giấy những thành phần hồ sơ liên quan đến xác định nơi cư trú như căn cước công dân, chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú...

6.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc:

Việc kết nối, chia sẻ và đưa vào khai thác sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có phạm vi từ Trung ương đến địa phương còn chậm, chưa khai thác sử dụng một cách đồng bộ, hiệu quả. Các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh cũng chưa được kết nối với nhau nhằm tạo thuận lợi cho người dùng trong việc chia sẻ, sử dụng lại thông tin, giảm bớt thao tác cho cán bộ, công chức, viên chức.

Theo thống kê trên cổng dịch vụ công quốc gia, tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên cổng DVCQG, tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến qua cổng DVCQG còn thấp so với tỷ lệ trung bình của cả nước (*tỷ lệ thanh toán trực tuyến trung bình của cả nước đạt 39,16%, tỉnh Bắc Kạn đạt 14,36%*).

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh còn xảy ra lỗi trong quá trình sử dụng, đặc biệt là vấn đề đồng bộ dữ liệu từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống giám sát EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông chậm được khắc phục làm ảnh hưởng đến điểm các chỉ số chung của tỉnh, đặc biệt không phản ánh chính xác kết quả thực tế đã thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

7. Kinh tế số, Xã hội số

7.1. Kết quả đạt được:

- Về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt: 121/282 cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai phương thức thanh toán học phí không dùng tiền mặt (*đạt 42,9 %, tăng 37 cơ sở (12,3%) so với năm 2023*).

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bắc Kạn đã phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bưu điện tỉnh và các đơn vị liên quan tuyên truyền đến người nhận chế độ an sinh xã hội, các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp mở tài khoản cá nhân, nhận qua tài khoản. Tính đến ngày 15 tháng 02 năm 2024, số đối tượng được chi trả an sinh xã hội qua tài khoản là 249/559 đối tượng (đạt 44,5%) với tổng số tiền chi trả là 520.001.000 đồng.

- Kết quả thực hiện chi lương hưu và trợ cấp BHXH hằng tháng qua tài khoản cá nhân: 3.094/11.066 trường hợp (đạt tỷ lệ 27,96%); 73/82 trường hợp hưởng chế độ BHXH một lần (đạt tỷ lệ 89%) và tỷ lệ người hưởng trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân đạt 100%. Việc tuyên truyền, vận động người dân

tham gia BHXH, BHYT cài đặt, sử dụng ứng dụng BHXH số VssID trên địa bàn tỉnh được các đơn vị, địa phương đẩy mạnh, tính đến thời điểm báo cáo số lượng người dân đăng ký, sử dụng VssID đạt 68.285 người.

- Để góp phần phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bắc Kạn đã giao Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó giao chỉ tiêu cụ thể cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, cách thức phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư Bắc Kạn tiếp tục tuyên truyền giới thiệu doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số (SMESx) và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về chuyển đổi số.

- Giao Sở Công Thương đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; chủ động tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia chương trình chuyển đổi số và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; phối hợp với các sàn thương mại điện tử hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh và khởi tạo gian hàng, đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử nhằm thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ hàng nông sản, đặc trưng và tiềm năng của tỉnh.

7.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc:

- Kỹ năng số của người dân, nhất là người dân sinh sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế; số lượng người dùng các nền tảng số phục vụ đào tạo, học tập trực tuyến còn thấp; người dân chưa thực sự quan tâm đến việc tự đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

- Hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn chưa thật sự hiệu quả.

(Có biểu phụ lục kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số trong quý I/2024 gửi kèm).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN TẠI CÁC PHIÊN HỌP CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thực hiện Thông báo số 04/TB-VPCP ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về kết luận Phiên họp tổng kết hoạt động năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, UBND tỉnh Bắc Kạn đã chỉ đạo:

- Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện, thành phố tiếp tục nêu cao ý thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh về chuyển đổi số; trên cơ sở Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của UBND tỉnh, khẩn trương xây dựng Kế hoạch và đề ra các

nhệm vụ, giải pháp cụ thể về chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế, đồng thời ban hành các văn bản chỉ đạo để thúc đẩy chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương mình; tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đề án, dự án đầu tư về công nghệ thông tin, chuyển đổi số đã được phê duyệt theo quy định. Đồng thời tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Trong quý I năm 2024, Sở Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan báo chí của tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số quốc gia, nhất là dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số...

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

UBND tỉnh Bắc Kạn đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông quan tâm, chỉ đạo Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam quan tâm, tạo điều kiện, ưu tiên cấp kinh phí hỗ trợ tỉnh Bắc Kạn phát triển hạ tầng viễn thông, đảm bảo phủ sóng vùng lõm sóng 3G/4G và trắng sóng 3G/4G tại các thôn bản trên địa bàn tỉnh, qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ II NĂM 2024

1. Chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 142/QĐ-TTG ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 và Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024; ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Xây dựng khung Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh, phiên bản 3.0 và ban hành kế hoạch triển khai các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng Ngày chuyển đổi số năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Chỉ đạo Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024; thúc đẩy việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh và triển khai nhiệm vụ về cung cấp dữ liệu mở tỉnh Bắc Kạn song song với nhiệm vụ triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

4. Tập trung hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu của người sử dụng và khắc phục triệt để tình trạng lỗi, nhất là trong việc kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống giám sát EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông; hoàn thành kết nối đến các dịch vụ đã được cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC của các đơn vị.

5. Chỉ đạo cán bộ, công chức đã được cấp tài khoản tham gia hoàn thành các khoá học trên nền tảng MOOCs do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

6. Chỉ đạo Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các huyện, thành phố tăng cường hoạt động, chủ động rà soát, củng cố hoạt động của Ban Chỉ đạo; tích cực tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số tại địa phương, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

Trên đây là Báo cáo kết quả chuyển đổi số quý I năm 2024 của tỉnh Bắc Kạn. UBND tỉnh Bắc Kạn báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP;
- Lưu: VT, Văn, Huyền, Nhung^{VX}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHUYÊN ĐỔI SỐ QUÝ I NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số _____/BC-UBND ngày ____/4/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số	Chỉ tiêu năm 2024	Kết quả Quý I/2024 (tính đến ngày 10/3/2024)	Số liệu tuyệt đối	Ghi chú
1	Chính quyền số				
1.1	Tỷ lệ DVCTT được cung cấp thành DVCTT toàn trình	>=80%	100%	1.013/1.013	Số lượng DVCTT toàn trình/Tổng số DVCTT
1.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	90%	98.7%	76/77	Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT phát sinh hồ sơ
1.3	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	100%	93,1%	13.433/14.433	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT toàn trình
	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT	80%	60,7%	6.192/10.195	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT một phần
1.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	30%	Đang triển khai thực hiện		Số lượng DVCTT được thiết kế, thiết kế lại/Số lượng DVCTT
1.5	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	80%	Chưa thực hiện (do tỉnh đang xây dựng LGSP, Kho dữ liệu và Cổng dữ liệu mở của tỉnh)		Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số/Tổng số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh
1.6	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)	100%	100%		Số lượng văn bản gửi đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng/Tổng số văn bản đi của đơn vị (trừ văn bản mật)

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số	Chỉ tiêu năm 2024	Kết quả Quý I/2024 (tính đến ngày 10/3/2024)	Số liệu tuyệt đối	Ghi chú
1.7	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm điều hành thông minh	100%	100%		
1.8	Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	20%	Sở TT&TT đang nghiên cứu để hướng dẫn thực hiện, thống kê số liệu		
1.9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	80%	Chưa cập nhật được số liệu		Số lượng cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các cấp được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản/Tổng số cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các cấp của tỉnh
1.10	Tỷ lệ cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến	80%			Trong quý I: Đã có 10 cuộc họp trực tuyến được thực hiện qua hệ thống
2	Kinh tế số				
2.1	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP	11%	Chưa có số liệu		Theo Tổng cục Thống kê: Ước tính tỷ trọng giá trị tăng thêm của KTS trong GRDP năm 2023 của tỉnh Bắc Kạn: 8,05%
2.2	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	5%	Chưa có số liệu		
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	>30%	Chưa có số liệu		
3	Xã hội số				
3.1	Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang tại các hộ gia đình	76%	75%		Số hộ gia đình sử dụng mạng băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn
3.2	Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh	85%	84,1%		Tỷ lệ người dùng smartphone/người dùng điện thoại di động
3.3	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử	60%	58,3%	160.415/275.200	Tổng số công dân cư trú trên địa bàn tỉnh (thường trú + tạm trú) có tài khoản định danh điện tử/Tổng số công dân cư trú trên địa bàn tỉnh (thường trú + tạm trú) từ đủ 14 tuổi trở lên

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số	Chỉ tiêu năm 2024	Kết quả Quý I/2024 (tính đến ngày 10/3/2024)	Số liệu tuyệt đối	Ghi chú
3.4	Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân	98%	98%		Số người dân được tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử
3.5	Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế công triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	20%	0		
3.6	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân	90%	100% (chưa bao gồm số liệu của trường Cao đẳng Bắc Kạn)		100% học sinh có hồ sơ số kết quả kiểm tra, đánh giá học tập theo chương trình giáo dục
4	Đảm bảo An toàn thông tin mạng				
4.1	Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng	100%	Chưa có số liệu cụ thể		Một số đơn vị nâng cấp/thay đổi trang, cổng TTĐT nên chưa gán lại nhãn tín nhiệm mạng. Sở TT&TT đã có văn bản đôn đốc
4.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	80%		